

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải khách du lịch
bằng đường thủy nội địa và hoạt động của phương tiện phục vụ
vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước; Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa; Thông tư số 31/2021/TT-BGTVT ngày 07/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người

lái phương tiện, đảm nhận chức danh thuyền viên và định biên tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26/6/2012 của Liên Bộ Giao thông Vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn mô tô nước trên biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số/TTr-SXD ngày ...tháng... năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quản lý hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quy định về quản lý hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế; Công an tỉnh, Thuế tỉnh; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Chủ tịch UBND các phường, xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa, hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ VHTT&DL;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cảng vụ Hàng hải Nghệ An;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm THCB tỉnh;
- Lưu: VT, CN .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo QĐ số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Nghệ An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

Chương II

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH BẰNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 3. Quy định đối với phương tiện vận tải khách du lịch

Phương tiện vận tải khách du lịch trên đường thủy nội địa phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch; quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26/6/2012 của Liên Bộ Giao thông Vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa, đồng thời phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Được Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch theo quy định tại Điều 17, 18, 19, 20 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

2. Khoang hành khách phải được bố trí cửa thoát hiểm; có bảng hướng dẫn sử dụng trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, sử dụng búa thoát hiểm đặt ở vị trí khách dễ nhận thấy; có bảng nội quy an toàn đối với hành khách, nội quy bảo vệ môi trường. Bảng hướng dẫn và nội quy viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Có đủ ghế ngồi cố định theo sức chở của phương tiện; bố trí hành lang đi lại giữa các hàng ghế thuận tiện; niêm yết số điện thoại đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải và các cơ quan chức năng theo quy định.

4. Đảm bảo các điều kiện về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường; trang bị áo phao, dụng cụ cứu sinh, cứu đuối theo quy định; tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hành khách và người thứ ba.

5. Có tủ thuốc y tế, dụng cụ y tế và một số loại thuốc sơ cứu thông dụng ban đầu còn hạn sử dụng.

6. Không được ăn, ở sinh hoạt theo quy mô hộ gia đình trên phương tiện; không được nuôi gia súc, gia cầm trên phương tiện.

7. Có thùng chứa rác có nắp đậy kín, hợp vệ sinh, được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc bỏ rác; nhà vệ sinh (nếu có) phải có bể phốt chứa kín và có hợp đồng thu gom, xử lý chất thải với cơ quan bảo vệ môi trường.

8. Phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phải có hồ sơ thiết kế được cơ quan đăng kiểm phê duyệt và thực hiện tại cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 128/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa và phải có sự giám sát của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

Điều 4. Quy định đối với thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch

1. Thuyền viên, người lái phương tiện vận tải khách du lịch trên đường thủy nội địa phải đáp ứng các điều kiện theo quy định quy định tại Điều 35 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), Điều 6 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, đồng thời phải thực hiện:

a) Không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định pháp luật.

b) Không được uống bia, rượu hoặc sử dụng chất kích thích trong quá trình làm việc trên phương tiện và các công việc liên quan.

2. Trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện

a) Thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhận chức danh thuyền viên và định biên tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, 3, 4 Điều 1 Thông tư số 33/2022/TT-BGTVT) và Điều 8 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL;

b) Mặc đồng phục, đeo thẻ tên theo quy định của đơn vị kinh doanh vận tải trong quá trình làm việc trên phương tiện; có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự;

c) Giữ gìn an ninh, trật tự và bảo đảm vệ sinh môi trường tại các cảng, bến thủy nội địa, các khu, điểm du lịch theo quy định của pháp luật;

d) Đảm bảo an toàn cho phương tiện ra, vào cảng, bến và khách lên, xuống phương tiện; phổ biến nội quy an toàn và hướng dẫn cách sử dụng các trang, thiết bị

an toàn trên phương tiện cho hành khách trước khi phương tiện rời cảng, bến, khu neo đậu;

e) Đón, trả khách tại các cảng, bến được công bố hoặc cấp phép; neo đỗ phương tiện đúng nơi quy định, đảm bảo an toàn khi phương tiện không hoạt động; thực hiện phương án phòng chống thiên tai và cứu hộ cứu nạn tại chỗ.

f) Không được mời chào, lôi kéo hành khách dưới mọi hình thức gây mất trật tự, an toàn ở cảng, bến thủy nội địa, khu vực neo đậu.

3. Trách nhiệm của nhân viên phục vụ trên phương tiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quy định về cảng, bến và khu vực neo đậu phục vụ hoạt động phương tiện vận tải khách du lịch

1. Cảng, bến phục vụ hoạt động phương tiện vận tải khách du lịch là cảng, bến thủy nội địa, được cơ quan có thẩm quyền công bố hoạt động theo quy định; phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về cảng, bến thủy nội địa theo quy định tại Quyết định số 31/2004/QĐ-BGTVT ngày 21/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành tiêu chuẩn cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa, tiêu chuẩn bến thủy nội địa.

2. Khu vực neo đậu của phương tiện vận tải khách du lịch phải đáp ứng quy định tại các Điều 25, 26 và 27 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Điều 6. Quy định phương tiện vào, rời cảng, bến đón, trả khách

1. Phương tiện vào và rời cảng, bến đón, trả khách du lịch thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2021/NĐ-CP và (Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP).

2. Không làm thủ tục rời cảng, bến trong các trường hợp sau:

a) Người lái phương tiện, nhân viên phục vụ không đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc vi phạm nội quy hoạt động của cảng, bến;

b) Không có vé hành khách hoặc danh sách hành khách; thiết bị giám sát hành trình, camera giám sát không hoạt động theo quy định.

c) Khi thời tiết có diễn biến xấu, phức tạp theo thông báo của cơ quan dự báo khí tượng thủy văn hoặc khi điều kiện thời tiết có cấp gió vượt quá mức cho phép đối với cấp kỹ thuật của phương tiện.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Vé hành khách, hợp đồng vận tải và danh sách hành khách

1. Vé hành khách

Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch thực hiện việc kê khai, niêm yết, hình thức bán vé... theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Hợp đồng vận tải, danh sách hành khách

a) Phương tiện vận tải khách du lịch phải có hợp đồng vận tải theo quy định và danh sách hành khách theo từng chuyến (trừ trường hợp vận tải theo tuyến cố định); hợp đồng vận tải phải được ký kết trước khi thực hiện chuyến vận tải giữa đơn vị kinh doanh vận tải với người thuê vận tải; các nội dung trong hợp đồng vận tải gồm: số đăng ký phương tiện, số lượng hành khách vận tải, thời gian, hành trình chuyến đi (tên cảng, bến, phương tiện đón khách; thời gian đón, trả khách; lộ trình, tên cảng, bến đón, trả khách dọc tuyến (nếu có) và tên cảng, bến trả khách);

b) Đơn vị kinh doanh vận tải chỉ được ký hợp đồng vận tải với người thuê vận tải có nhu cầu thuê cả chuyến vận tải và chỉ được đón, trả khách theo đúng địa điểm ghi trong hợp đồng vận tải đã ký kết; không được gom khách, đón khách ngoài danh sách hành khách.

c) Khi vận tải, ngoài các giấy tờ theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, thuyền trưởng còn phải mang theo hợp đồng vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải đã ký và danh sách hành khách có dấu xác nhận của đơn vị kinh doanh vận tải (trừ trường hợp sử dụng hợp đồng điện tử). Trường hợp sử dụng hợp đồng điện tử, thuyền trưởng phải có thiết bị để truy cập được nội dung của hợp đồng điện tử và danh sách hành khách do đơn vị kinh doanh vận tải cung cấp.

d) Danh sách hành khách theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa.

Điều 8. Trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ phương tiện, người thuê phương tiện

1. Thực hiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 33/2022/TT-BGTVT)

2. Xây dựng phương án kinh doanh, bố trí phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ hoạt động phải đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 quy định này.

3. Kiểm tra các điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, các điều kiện của thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định này trước khi hoạt động.

4. Trực tiếp hoặc liên đới chịu trách nhiệm về các hoạt động liên quan đến sự cố xảy ra đối với phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện.

5. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường; khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của phương tiện của mình gây ra.

6. Thực hiện các nội dung sau:

a) Vệ sinh phương tiện sạch sẽ trước khi đưa phương tiện vào hoạt động; không chào mời, lôi kéo khách đi thuyền gây mất trật tự ở cảng, bến thuyền;

b) Đón, trả khách đúng nơi quy định; ký hợp đồng vận tải trước khi thực hiện vận tải; thu cước vận tải theo giá trị hợp đồng đã ký kết.

Điều 9. Trách nhiệm của hành khách

1. Thực hiện quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL.

2. Chấp hành các nội quy về an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường khi tham quan, du lịch bằng phương tiện thủy; tuân thủ sự hướng dẫn của người lái phương tiện, nhân viên phục vụ.

3. Mua vé hành khách hoặc trả cước phí vận tải theo đúng quy định; mua đầy đủ vé tham quan các tuyến, điểm du lịch,...theo quy định; thanh toán chi phí dịch vụ theo đúng thỏa thuận.

4. Kê khai trung thực, đúng các nội dung khi chủ phương tiện lập danh sách hành khách; có mặt tại nơi xuất phát đúng thời gian quy định hoặc đã thỏa thuận.

Điều 10. Quy định đối với nhà hàng nổi, tàu, thuyền du lịch có dịch vụ lưu trú, dịch vụ biểu diễn văn hóa, nghệ thuật

1. Nhà hàng nổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 43/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi.

2. Tàu, thuyền du lịch có dịch vụ lưu trú; dịch vụ biểu diễn văn hóa, nghệ thuật phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 43/2012/TT-BGTVT và các quy định về biểu diễn văn hóa, nghệ thuật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ

VUI CHƠI, GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Điều 11. Quy định về phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước

1. Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước là các phương tiện, thiết bị, cấu trúc nổi được quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

2. Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP.

3. Quy định đối với phương tiện thuộc diện không phải đăng ký, việc đăng ký phương tiện, xóa đăng ký phương tiện, đặt tên phương tiện, kê số đăng ký trên phương tiện,... thực hiện theo quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21 và 22 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản khoản 6, 7, 8, 9, 10 Điều 1 Nghị định số 19/2024/NĐ-CP).

Điều 12. Quy định về người lái phương tiện và người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

1. Người lái phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP; phải mặc áo phao trong suốt thời gian hoạt động; có giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn chuyên môn và nhân viên cứu hộ theo quy định.

2. Người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải mặc áo phao trong suốt thời gian tham gia hoạt động (trừ trường hợp có quy định khác).

Điều 13. Quy định về vùng hoạt động

1. Việc chấp thuận, thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng hoạt động, cho phép hoạt động vui chơi giải trí dưới nước thực hiện theo quy định tại Điều 9, 10, 11, 12 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP).

2. Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí dưới nước thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 19/2024/NĐ-CP).

Điều 14. Quy định về cảng, bến, khu vực neo đậu

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

2. Đơn vị tổ chức hoạt động vui chơi giải trí dưới nước phải cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, thời tiết, sức khỏe và các yếu tố liên quan khi cung cấp dịch vụ; khuyến cáo các trường hợp không được tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước. Các nội dung này phải được niêm yết trên bảng rõ ràng, dễ hiểu, đặt ở vị trí dễ thấy tại nhà chờ hành khách.

Điều 15. Điều kiện đối với đơn vị kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 48/2019/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có vùng hoạt động đảm bảo các điều kiện quy định, được cơ quan thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố hoạt động.

2. Có phương tiện hoạt động được đăng ký, đăng kiểm (trừ trường hợp được miễn đăng ký, đăng kiểm) theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức việc thực hiện Quy định này; tổng hợp kiến nghị của các tổ chức, cá nhân để đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này nhằm phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa và quản lý phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông đối với hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa và hoạt động vui chơi giải trí dưới nước; bảo đảm công tác phòng chống cháy nổ, quản lý lưu trú và các lĩnh vực có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Là cơ quan thường trực cứu hộ, cứu nạn; chủ động phối hợp với các ngành, địa phương liên quan giải quyết các sự cố xảy ra trên đường thủy nội địa.

3. Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát Giao thông tuần tra, kiểm soát hoạt động của các phương tiện vận tải khách du lịch, hoạt động vui chơi giải trí dưới nước; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

4. Chỉ đạo lực lượng công an phường, xã bảo trật tự an ninh tại khu vực cảng, bến, khu neo đậu.

Điều 18. Trách nhiệm của Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

1. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tăng cường công tác kiểm soát xuất nhập cảnh, kiểm tra, giám sát biên phòng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, kịp thời xử lý hành vi vi phạm các quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội tại khu vực biên giới biển, cửa khẩu cảng; đồng thời, trao đổi thông tin, tình hình về khách du lịch xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua khu vực biên giới biển và cửa khẩu cảng, phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch và an ninh trật tự ở khu vực biên giới biển và cửa khẩu cảng tỉnh Nghệ An.

3. Chỉ đạo các đơn vị thuộc thẩm quyền phối hợp với lực lượng chức năng để kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông đối với các phương tiện đường thủy nội địa vận tải khách tham quan du lịch, phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn nghiệp vụ du lịch cho thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận chuyển khách du lịch, vui chơi giải trí dưới nước.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động du lịch theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ du lịch; chất lượng, tiêu chuẩn về dịch vụ trên thuyền du lịch.

4. Thực hiện việc quản lý nhà nước về hoạt động biểu diễn, trình diễn văn hóa, nghệ thuật trên phương tiện phương tiện thủy vận tải khách du lịch.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế

1. Nông nghiệp và Môi trường: Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và Quy định này đối với hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh; quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

2. Sở Y tế: Quy định danh mục thuốc thông thường và thiết bị y tế trên thuyền vận tải khách du lịch; tổ chức tập huấn, cấp giấy chứng nhận về nghiệp vụ sơ, cấp cứu y tế; kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cho chủ phương tiện; thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ.

Điều 21. Trách nhiệm của Thuế tỉnh Nghệ An

Thực hiện các biện pháp quản lý thuế theo quy định đối với hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 22. Trách nhiệm của UBND các phường, xã

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn quản lý.

2. Thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng hoạt động và tổ chức thực hiện, quản lý việc đăng ký, quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước thuộc diện phải đăng ký theo quy định của pháp luật; đồng thời, quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước được miễn đăng ký.

3. Kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về tổ chức, quản lý trong vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa và dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn quản lý theo quy định này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của phương tiện thủy tại cảng, bến thủy nội địa phục vụ khách du lịch thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của phương tiện thủy phục vụ khách du lịch, phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước tại cảng biển, trong vùng nước cảng biển theo quy định.

3. Phối hợp, theo dõi, giám sát hoạt động của phương tiện thủy lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động AIS trong vùng nước cảng biển theo quy định.

Điều 24. Điều khoản thi hành.

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản mới./.

